

Bản án số: 05/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 22/3/2017.
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Nguyễn Thị Lan**

Bà: **Cao Thị Hồng Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thụ** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐBP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2016/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2016 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/ QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn T**- Sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Tiểu đoàn cảnh sát cơ động –PK20 công an tỉnh ĐB.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1984;

Địa chỉ: SN 129, tổ dân phố 16, phường M T, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB
Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/05/2005 tại UBND phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu. Khoảng mấy năm trở về đây, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù anh T và chị L cũng đã cố gắng cải thiện nhiều trong cuộc sống vợ chồng, nhưng vẫn không có kết quả. Cho đến nay, anh T không còn tình cảm với chị L nữa, vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- *Về con chung*: Anh T, chị L có 01 con chung là: Vũ Ngọc Đ - sinh ngày 20/9/2005. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đức và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Đức, và cháu Đức cũng có đơn đề nghị Tòa án cho cháu được ở với mẹ, nên tại phiên tòa anh T nhất trí để chị L nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đức, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000/tháng.

- *Về tài sản chung*: Anh T, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Không có.

***) *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/11/2016 bị đơn chị L trình bày*:**

Chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2005 tại UBND phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Nguyên nhân dẫn đến việc anh T có đơn xin ly hôn với chị là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay anh T có đơn xin ly hôn với chị L, chị L nhất trí ly hôn với anh T vì chị cho rằng chị và anh T không còn tình cảm với nhau nữa.

- *Về con chung*: Chị L và anh T có 01 con là Vũ Ngọc Đ - sinh ngày 20/9/2005. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đức cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng, và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Không có.

Đến ngày 28/11/2016, chị L có đơn đề nghị hủy bỏ biên bản sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/11/2016. Lý do chị L thay đổi yêu cầu là chị cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay chị có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành.

Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tiếp tục giải quyết vụ án. Mặc dù nhiều lần triệu tập chị L đến Tòa án để hòa giải, nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập các đương sự đến phiên tòa xét xử sơ thẩm cho các bên đương sự, nhưng chị L đã vắng mặt hai lần đều không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Quá trình chung sống, anh T cho rằng do tính tình đôi bên không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc dù anh và chị L đã nhiều lần cải thiện tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả gì. Đến nay anh T chị L đã sống ly thân. Anh T nhận thấy không thể sống chung với chị L được nữa, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ĐBP đã hòa giải cho vợ chồng anh chị, nhưng anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin

được ly hôn với chị L vì anh cho rằng anh không thể cố gắng tiếp tục cuộc sống vợ chồng với chị L được nữa vì tình cảm vợ chồng không còn.

Tại bản tự khai và buổi hòa giải ngày 21/11/2016, chị L cũng công nhận chị và anh T luôn bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do tính tình không hợp, và tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn với anh T. Mặc dù, chị L đã có đơn đề nghị xin được quay về đoàn tụ với anh T, nhưng chị lại luôn vắng mặt ở các buổi hòa giải tiếp theo tại Tòa án và hai lần vắng mặt tại phiên tòa đều không có lý do, điều này cho thấy chị L đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án và không có thiện chí quay về đoàn tụ với anh T như trong đơn của chị vết ngày 28/11/2016.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh T, chị L đã thật sự tan vỡ, nên việc anh T xin được ly hôn với chị L là phù hợp với Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, nên cần được chấp nhận.

- Về con chung: Hội đồng xét xử xét việc giao con cho một bên nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Xét cháu Vũ Ngọc Đ đang có cuộc sống ổn định với mẹ cháu là chị L, nên không thể xáo trộn cuộc sống của cháu, hơn nữa cháu Đức tuổi còn nhỏ, việc giao cháu cho mẹ cháu chăm sóc nuôi dưỡng là cần thiết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị L về nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.500.000/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết; tại bản tự khai cũng như buổi hòa giải chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số án phí anh T phải chịu là 400.000 đồng, theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009 của UBTV Quốc hội 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Điều 28, 35, 39; Khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8, khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009 của UBTV Quốc hội 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa anh **Vũ Văn T** và **chị Nguyễn Thị L**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Đ - sinh ngày 20/9/2005 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (22/3/2017) cho đến khi cháu Đức đủ tuổi thành niên.

Anh Vũ Văn Tcó quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức khác theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Anh T, chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số án phí anh T phải chịu là 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai số AA/2016/0001193, ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Anh T còn phải nộp tiếp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPĐBP;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng